

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giao dịch trong vùng 1,220 – 1,230 cả ngày hôm nay trước khi đóng cửa tại mốc 1,230.28 điểm, tăng hơn 6 điểm so với tuần trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Du lịch và giải trí, Công nghệ thông tin dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Hóa chất, Dầu khí, Bán lẻ,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường vẫn cho thấy tâm lý dè chừng khi thanh khoản những phiên hồi phục gần đây ngày càng giảm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 12/08/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+6.64** điểm, đóng cửa tại **1230.28** điểm. HNX-Index **+1.39** điểm, đóng cửa tại **230.77** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **FPT (+1.12)**, **HVN (+0.74)**, **GVR (+0.69)**, **GAS (+0.50)**, **MWG (+0.36)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.72)**, **VIC (-0.55)**, **HPG (-0.31)**, **VNM (-0.15)**, **POW (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **12,010 tỷ đồng**, giảm **-5.68%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13,999 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 10.3 điểm. Thị trường có **238** mã tăng, 69 mã tham chiếu, **168** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **27.56 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **HDB (203.14 tỷ)**, **FPT (150.22 tỷ)**, **MWG (142.30 tỷ)**, **CTG (24.89 tỷ)**, **HVN (15.16 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **34.27 tỷ đồng**.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.70%**. Các mã diễn biến tích cực: **GMD (+2.46%)**, **FPT (+2.44%)**, **SSI (+2.24%)**.
- BSC50 **+1.20%**. Các mã diễn biến tích cực: **CSV (+7.00%)**, **HHV (+4.13%)**, **MSB (+3.55%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.70%	1.20%	0.54%	0.52%
1 tuần	3.71%	5.15%	2.99%	2.66%
1 tháng	-5.45%	-8.65%	-4.70%	-4.17%
3 tháng	-1.56%	-3.11%	-2.39%	-1.75%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,230.28	230.77	93.00
% 1D	0.54%	0.61%	0.22%
GTGD (tỷ VND)	12,010	840	637
%1D	-5.68%	-15.47%	0.05%
GDNN (tỷ VND)	27.56	34.27	-4.93

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HDB	203.14	VJC	-252.66
FPT	150.22	HPG	-56.53
MWG	142.30	DGC	-45.19
CTG	24.89	TCB	-44.52
HVN	15.16	STB	-32.82

Thị trường thế giới

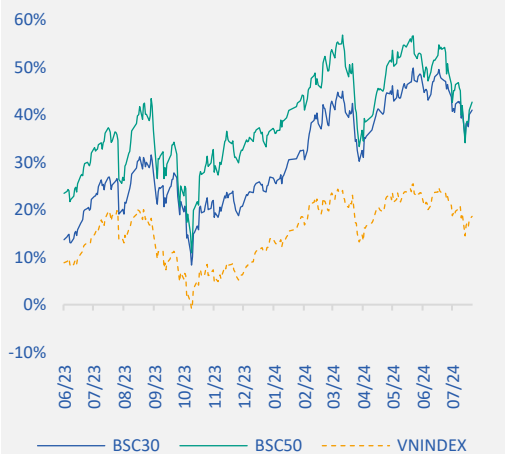
		%D	%W
SPX	5,344	0.47%	-0.04%
FTSE100	8,194	0.32%	2.32%
Eurostoxx	4,674	0.05%	3.63%
Shanghai	2,858	-0.14%	-0.09%
Nikkei	35,025	0.58%	-2.48%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	79.86	0.25%
Giá vàng	2,474	1.74%
Tỷ giá		
USD/VND	25,280	0.04%
EUR/VND	28,188	0.04%
JPY/VND	175	0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	-0.01%
LS LNH 1M	4.6%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



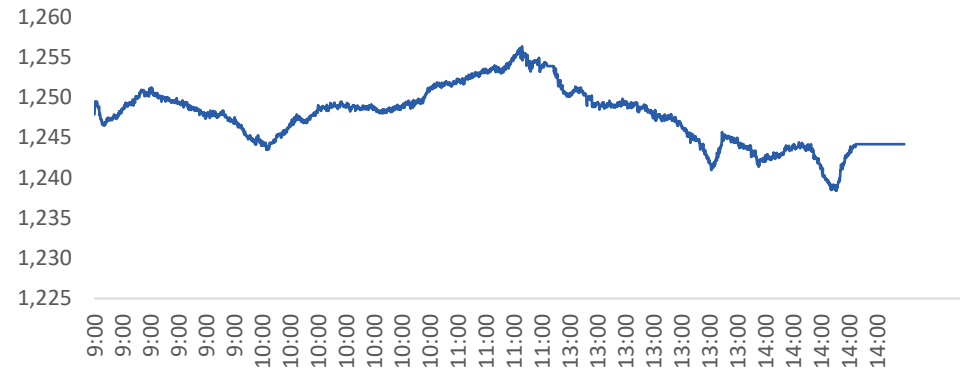
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30.

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1243.10	-0.79%	665	52.87%	9/19/2024	38
VN30F2412	1239.70	-1.06%	18	-77.8%	12/19/2024	129
VN30F2503	1243.10	-0.78%	23	-30.30%	3/20/2025	220
VN30F2408	1240.10	-0.79%	259664	7.76%	8/15/2024	3

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +6.60 điểm, đóng cửa tại 1271.44 điểm. Biên độ dao động 13.56 điểm. Các cổ phiếu như FPT, MWG, ACB, SSI, MBB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên với thanh khoản thị trường tiếp tục nằm dưới đường MA20. Độ rộng cùng thanh khoản chưa có sự bứt phá cho thấy xu hướng giằng co của thị trường. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2412, VN30F2503. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2409.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSTB2334	8/23/2024	11	1,226,700	0.58%	27.00	790	16.2%	0.79	29.37	29.20	29.20
CFPT2317	11/21/2024	101	497,600	-54.27%	10.10	3,290	7.2%	8.00	59.45	130.00	130.00
CFPT2314	1/9/2025	150	354,200	-50.00%	10.00	5,500	7.0%	12.02	65.00	130.00	130.00
CMWG2316	8/23/2024	11	70,200	0.90%	48.00	3,200	6.0%	3.11	67.20	66.60	66.60
CMWG2401	5/21/2025	282	772,700	-74.97%	6.55	2,550	5.4%	15.19	16.67	66.60	66.60
CACB2307	8/21/2024	9	247,900	18.15%	25.00	520	4.0%	0.02	28.12	23.80	23.80
CMWG2314	1/9/2025	150	3,019,000	-64.71%	5.20	1,830	4.0%	6.15	23.50	66.60	66.60
CMBB2317	8/21/2024	9	95,800	1.48%	20.00	810	3.8%	0.74	24.05	23.70	23.70
CMBB2315	1/9/2025	150	1,092,700	-68.95%	1.96	1,380	3.0%	5.57	7.36	23.70	23.70
CMBB2318	9/23/2024	42	19,600	-66.97%	1.76	1,550	2.6%	5.61	7.83	23.70	23.70
CACB2305	10/9/2024	58	286,000	-74.58%	2.02	800	2.6%	4.32	6.05	23.80	23.80
CACB2304	9/25/2024	44	124,700	-72.29%	1.93	1,850	2.2%	8.68	6.60	23.80	23.80
CMWG2403	3/6/2025	206	1,546,400	-74.68%	6.45	2,100	1.9%	12.16	16.87	66.60	66.60
CVNM2401	5/21/2025	282	42,300	-71.23%	6.60	1,800	1.1%	8.33	21.00	73.00	73.00
CTCB2309	9/25/2024	44	96,000	-41.86%	3.39	3,080	0.7%	6.14	12.36	21.25	21.25
CTCB2310	10/9/2024	58	617,000	-40.58%	3.39	1,190	0.0%	2.30	12.63	21.25	21.25
CVPB2321	8/21/2024	9	144,500	5.34%	18.00	160	0.0%	0.07	19.12	18.15	18.15
CHPG2342	11/21/2024	101	65,800	-65.89%	2.18	730	-2.7%	2.61	8.82	25.85	25.85
CVIB2306	8/23/2024	11	10,300	-69.96%	1.61	2,460	-4.7%	10.17	6.25	20.80	20.80
CSHB2306	1/6/2025	147	3,400	-71.07%	1.28	880	-12.0%	4.62	3.04	10.50	10.50

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 12/08/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVRE2315 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 33.33%. CMWG2314 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 16.34%.
- CACB2307, CVIB2307, CVPB2321, CMBB2317, và CMWG2316 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVNM2404, CVNM2315, CVNM2403, CMWG2401, và CMWG2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	130.00	2.44%	1.12	1.46
HVN	20.35	6.82%	0.74	2.21
GVR	33.20	2.15%	0.69	4.00
GAS	82.50	1.10%	0.50	2.30
MWG	66.60	1.52%	0.36	1.46

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	39.20	1.55%	0.21	0.48
SHS	15.60	1.96%	0.18	0.81
NTP	61.80	2.49%	0.14	0.13
Các HĐTL	60.30	0.84%	0.12	0.33
LAS	25.30	4.12%	0.08	0.11

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	36.50	-1.88%	-0.72	4.35
VIC	40.60	-1.46%	-0.55	3.82
HPG	25.85	-0.77%	-0.31	6.40
VNM	73.00	-0.41%	-0.15	2.09
POW	13.60	-1.81%	-0.14	2.34

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	48.80	-5.43%	-0.38	0.20
DTK	12.90	-3.01%	-0.19	0.68
BAB	11.70	-0.85%	-0.06	0.90
KSF	40.70	-0.49%	-0.04	0.30
VNT	35.20	-9.97%	-0.04	0.02

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

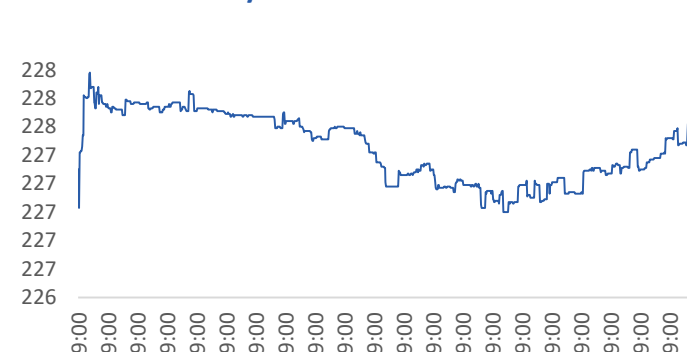
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

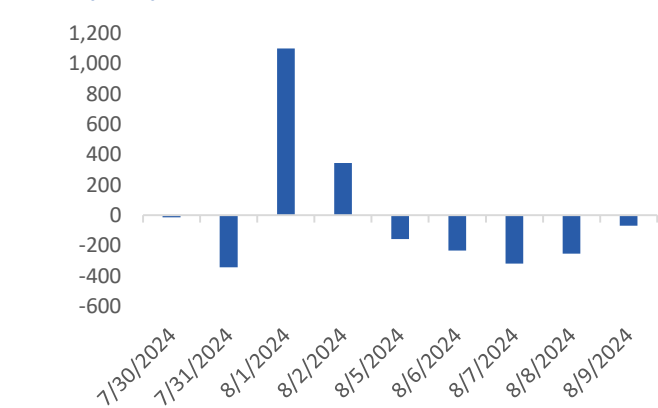
Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 2
HNX-Index Intraday

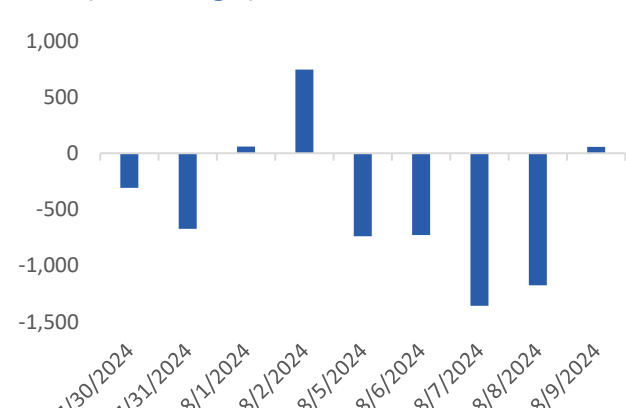


Hình 3
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	87.8	0.10%	0.6	19,524	3.7	5,962	14.7	-	23.2%	Link
BID	Ngân hàng	46.8	0.20%	1.1	10,614	2.5	4,006	11.7	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	18.2	0.80%	1.0	5,729	9.1	1,460	12.4	-	26.7%	Link
TCB	Ngân hàng	21.2	0.70%	1.2	5,956	8.7	3,047	7.0	-	21.8%	Link
MBB	Ngân hàng	23.7	1.10%	1.0	5,003	9.6	4,018	5.9	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	29.2	1.20%	1.1	2,190	11.3	4,340	6.7	-	23.2%	Link
CTG	Ngân hàng	31.7	0.60%	1.3	6,773	3.8	3,782	8.4	-	26.1%	Link
ACB	Ngân hàng	23.8	0.80%	0.8	4,229	4.0	3,676	6.5	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	32.0	2.20%	1.2	1,921	14.1	1,882	17.0		42.6%	Link
IDC	Xây dựng	60.3	0.80%	1.2	792	2.0	5,573	10.8	65,700	24.1%	Link
HPG	Xây dựng	25.8	-0.80%	1.2	6,578	12.9	1,746	14.8	41,500	24.4%	Link
HSG	VLXD	21.0	0.70%	1.7	515	3.3	1,844	11.4	25,300	20.4%	Link
VHM	BĐS	36.5	-1.90%	1.0	6,323	12.1	5,326	6.9	108,300	15.7%	Link
KDH	BĐS	35.7	0.10%	1.3	1,292	1.0	765	46.7	44,500	39.6%	Link
NLG	BĐS	39.0	-0.10%	1.3	596	1.4	1,102	35.3	-	49.4%	Link
DGC	Hóa chất	108.6	2.00%	1.5	1,641	10.7	7,849	13.8	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	36.8	1.20%	1.3	774	4.7	2,798	13.1	38,700	8.5%	Link
GAS	Dầu khí	82.5	1.10%	0.6	7,538	6.2	4,760	17.3	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	39.2	1.60%	1.1	745	2.7	1,931	20.3	57,000	21.6%	Link
PVD	Dầu khí	26.8	0.90%	1.3	594	1.9	1,150	23.3	38,400	16.2%	Link
POW	Dầu khí	13.6	-1.80%	0.7	1,267	4.4	467	29.1	17,100	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	69.3	0.60%	1.2	619	0.5	3,216	21.5	108,500	29.6%	Link
GMD	Logistics	79.0	2.50%	0.9	976	1.8	3,966	19.9	90,400	48.1%	Link
VNM	Bán lẻ	73.0	-0.40%	0.6	6,070	16.9	4,633	15.8	93,100	50.1%	Link
MSN	Bán lẻ	75.2	0.00%	1.2	4,526	13.3	466	161.3	110,000	28.5%	Link
MWG	Bán lẻ	66.6	1.50%	1.3	3,874	29.2	1,507	44.2	-	46.8%	Link
PNJ	Bán lẻ	97.0	1.50%	0.9	1,291	2.2	6,133	15.8	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	59.0	1.00%	1.7	392	3.1	2,237	26.4	66,600	24.4%	Link
FPT	Bán lẻ	130.0	2.40%	1.0	7,554	32.0	4,889	26.6	107,900	45.2%	Link
CTR	Hạ tầng	123.0	0.10%	1.4	560	0.8	4,590	26.8	-	10.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	25.6	0.20%	0.9	2,961	10.0	4,137	6.2	1.5	18.2%	25.4%
VIB	Ngân hàng	20.8	-0.50%	1.1	2,099	2.0	3,048	6.8	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.2	0.90%	1.2	1,511	2.8	2,154	8.0	1.1	28.4%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.6	3.50%	1.1	1,162	3.4	2,366	6.2	0.9	29.4%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.8	2.70%	0.9	1,306	4.0	1,273	14.8	1.4	2.9%	10.1%
HCM	Chứng khoán	25.9	1.80%	1.6	725	5.1	1,397	18.5	1.7	45.1%	8.3%
VCI	Chứng khoán	45.9	1.30%	1.7	807	4.5	1,763	26.0	2.3	19.2%	7.1%
VND	Chứng khoán	15.0	-0.70%	1.5	912	3.6	1,591	9.5	1.3	12.6%	13.1%
BSI	Chứng khoán	48.5	-0.10%	1.8	430	1.2	2,165	22.4	2.0	39.9%	9.0%
SHS	Chứng khoán	15.6	2.00%	1.7	505	3.4	1,338	11.7	1.2	9.0%	5.7%
CTD	Xây dựng	61.7	0.70%	1.3	245	1.1	2,996	20.6	0.7	47.1%	2.3%
HHV	Xây dựng	11.4	4.10%	1.5	195	2.7	860	13.2	0.5	8.2%	4.2%
LCG	Xây dựng	10.6	1.90%	1.6	81	1.3	771	13.8	0.8	2.3%	4.6%
SZC	Xây dựng	36.0	0.80%	1.2	257	1.1	1,549	23.2	2.2	3.1%	13.4%
SIP	Xây dựng	73.3	3.50%	1.4	610	1.9	5,925	12.4	3.4	1.6%	26.9%
PHR	BĐS KCN	55.7	-0.20%	1.1	300	0.1	3,028	18.4	2.0	18.4%	18.3%
DIG	BĐS	22.3	-3.70%	1.7	541	30.4	152	147.0	1.8	4.2%	2.1%
CEO	BĐS	13.9	0.00%	1.3	299	1.3	313	44.4	1.2	4.8%	2.4%
KBC	BĐS KCN	25.4	0.80%	1.5	776	1.8	295	86.2	1.1	20.4%	11.7%
VGC	BĐS KCN	42.0	2.70%	1.2	749	2.7	1,776	23.7	2.3	5.1%	12.5%
GVR	BĐS KCN	33.2	2.20%	1.6	5,284	3.6	704	47.2	2.6	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	21.2	-0.20%	1.7	222	1.6	1,580	13.4	1.0	15.4%	2.3%
BMP	Vật liệu	97.0	3.50%	1.1	316	0.5	11,420	8.5	3.0	83.3%	39.1%
IJC	Hạ tầng	14.0	0.00%	1.5	210	0.6	683	20.4	1.1	4.6%	10.3%
DXG	BĐS	13.2	-0.40%	1.5	380	1.7	249	53.2	0.9	17.8%	1.1%
VRE	Bất động sản	17.4	-0.60%	1.2	1,573	3.4	1,975	8.8	1.0	22.9%	12.4%
PDR	Bất động sản	17.5	-1.10%	1.6	608	2.7	557	31.4	1.4	8.0%	7.2%
DIG	Bất động sản	22.3	-3.70%	1.7	541	30.4	152	147.0	1.8	4.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	17.0	0.60%	1.2	604	0.8	64	265.1	1.5	1.5%	0.7%
C4G	Xây dựng	9.3	1.10%	1.3	-	0.2	507	18.3	0.9	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	39.8	7.00%	1.9	175	5.6	4,748	8.4	1.2	5.3%	16.1%
DHC	Hóa chất	38.0	1.50%	1.2	122	0.2	3,067	12.4	1.6	39.8%	17.2%
DRC	Cao su	33.5	1.70%	0.9	158	0.3	2,510	13.3	2.1	11.9%	13.2%
PC1	Điện	28.6	2.30%	1.4	354	2.5	892	32.1	1.7	12.1%	4.1%
HDG	BĐS	27.1	2.80%	1.4	363	5.1	1,989	13.6	1.5	15.6%	12.9%
GEX	Điện	21.5	0.20%	1.7	728	10.3	1,245	17.3	1.4	8.8%	4.1%
QTP	Điện	14.8	0.70%	0.6	-	0.1	1,354	10.9	1.2	1.3%	10.8%
PLX	O&G	48.8	1.80%	1.0	2,469	7.9	2,874	17.0	2.5	17.8%	10.7%
BSR	O&G	23.2	0.00%	1.2	-	7.1	2,403	9.7	1.3	0.7%	15.6%
PLC	O&G	25.9	1.20%	1.5	83	0.1	728	35.6	1.7	0.3%	8.4%
ANV	Thủy sản	31.8	0.20%	1.5	168	0.7	262	121.0	1.5	1.1%	1.5%
PTB	Gỗ	64.6	1.40%	0.7	172	0.3	4,903	13.2	1.5	25.0%	10.6%
VSC	Logistics	19.0	1.30%	1.5	201	2.3	713	26.6	1.2	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	40.9	1.90%	1.3	198	5.1	2,791	14.7	1.8	9.0%	12.1%
VTP	Logistics	74.2	0.40%	1.6	360	1.3	2,943	25.2	5.6	6.9%	25.6%
DBC	Logistics	27.7	1.50%	1.7	356	5.8	979	28.3	1.4	11.9%	0.5%
FRT	Bán lẻ	173.8	0.50%	0.8	942	3.1	(414)	-419.4	13.8	36.0%	11.8%
QNS	Bán lẻ	47.9	0.60%	0.6	-	0.5	6,676	7.2	1.9	15.0%	27.3%
TNG	Dệt may	27.5	3.80%	1.2	134	5.0	2,240	12.3	1.7	19.1%	12.5%
PVT	O&G	28.3	0.70%	1.1	401	1.8	2,802	10.1	1.4	14.0%	14.3%
DPM	Phân bón	36.0	0.70%	1.3	560	3.9	1,703	21.1	1.2	8.1%	4.2%
REE	Tiện ích	68.9	2.80%	1.0	1,291	2.2	3,806	18.1	1.8	49.0%	13.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
o nhịp vĩ BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023		x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website	BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh	BSC Trụ sở chính
http://www.bsc.com.vn	Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: +84 8 3821 8885 Fax: +84 8 3821 8510	Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings 210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: +84 4 3935 2722 Fax: +84 4 2220 0669
Đối với Phân tích Nghiên cứu	Đối với Khách hàng tổ chức	Đối với Khách hàng cá nhân
Phòng Phân tích Nghiên cứu hn.ptnc@bsc.com.vn (+84) 39352722 - Ext 108	Phòng TVĐT và môi giới KHTC hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn (+84)2439264659	Trung tâm tư vấn i-Center i-center@bsc.com.vn (+84)2437173639